

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

1. Ông Vũ Hoài Nam Chủ tịch

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Hoài Anh Giám đốc
2. Ông Nguyễn Thành Thái Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoài Anh – Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Số: 012101/2019/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 01 năm 2019, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.257.849.707	7.540.445.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.200.089.169	6.903.701.182
1. Tiền	111		3.200.089.169	6.903.701.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		577.490.036	276.380.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	519.113.804	257.077.706
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	15.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	58.376.232	4.302.808
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		480.270.502	360.364.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	247.603.650	116.530.301
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6a	232.666.852	243.833.854
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.384.317.119	17.699.460.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		16.199.275.422	17.365.098.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	16.199.275.422	17.365.098.263
- Nguyên giá	222		21.783.332.593	21.783.332.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.584.057.171)	(4.418.234.330)
III. Tài sản dài hạn khác	260		182.041.697	331.361.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	182.041.697	331.361.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.642.166.826	25.239.905.999

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.691.538.457	4.314.104.297
I. Nợ ngắn hạn	310		3.691.538.457	4.314.104.297
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		32.000.000	40.202.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.589.747	26.457.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6b	283.109.837	354.871.871
4. Phải trả người lao động	314		1.871.414.656	2.064.538.061
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27.272.727	27.272.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.010	5.010
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.451.146.480	1.800.757.504
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.950.628.369	20.925.801.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	20.950.628.369	20.925.801.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.860.244.081	20.860.244.081
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		90.384.288	73.738.954
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	(8.181.333)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(8.181.333)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.642.166.826	25.239.905.999

Trần Thị Phương Thảo

Người lập

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.662.396.391	14.823.519.227
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	14.662.396.391	14.823.519.227
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.793.123.840	9.211.192.788
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.869.272.551	5.612.326.439
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	242.353.005	209.324.591
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.178.606.039	4.923.245.658
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		933.019.517	898.405.372
8. Thu nhập khác	31	VI.5	2.600.484	182.621
9. Chi phí khác	32		-	1.082
10. Lợi nhuận khác	40		2.600.484	181.539
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		935.620.001	898.586.911
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	178.974.667	193.583.259
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		756.645.334	705.003.652

Trần Thị Phương Thảo

Người lập

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh

Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	935.620.001	898.586.911
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.165.822.841	1.276.407.580
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(242.353.005)	(209.324.591)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.859.089.837	1.965.669.900
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.289.942.520)	3.683.596.333
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(269.969.886)	(1.439.413.523)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	18.246.839	125.406.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(181.959.597)	(44.185.171)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.081.429.691)	(1.056.903.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(945.965.018)	3.234.170.949
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	242.353.005	209.324.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	242.353.005	209.324.591
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(703.612.013)	3.443.495.540
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.903.701.182	3.460.205.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.200.089.169	6.903.701.182

Trần Thị Phương Thảo
Người lập

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2019.

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200767748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 02 tháng 04 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE EIGHTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại CL8 Đại Lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rỏi II, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 04 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 22.286.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng). Số vốn thực góp tính đến thời điểm kiểm toán là 20.860.244.081 đồng.

Chủ sở hữu Công ty

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê phương tiện và tài sản;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	161.606.233	171.312.729
Tiền gửi ngân hàng	3.038.482.936	6.732.388.453
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
Cộng	6.200.089.169	6.903.701.182

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, cụ thể:

Hợp đồng tiền gửi	Số tiền gửi	Kỳ hạn	Lãi suất
<u>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa</u>			
02/2018/HDTG-SME	1.000.000.000	3 tháng	5,10%
01/2018/HDTG-SME	1.000.000.000	1 tháng	4,80%
<u>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Khánh Hòa</u>			
002/HDTG-SCB.CNKH.2018	1.000.000.000	1 tháng	5,20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Khánh Hòa với lãi suất 7,1%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Khu vực I	300.000.000	-
CN Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Nha Trang	83.892.769	-
Công ty TNHH Việt Vệ Nữ	60.788.826	-
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	29.500.000	27.500.000
CN Công ty TNHH DV & DL hàng hải Cao Minh	13.938.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	10.186.440	-
Navig 8 Chemicals Pool Inc	-	29.562.759
Gulf Crystal Shipping Limited, Bahamas	-	29.451.197
Kawasaki Kisen Kaisha, Ltd	-	27.681.413
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	20.807.769	142.882.337
Cộng	519.113.804	257.077.706

4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn khác	58.376.232	4.302.808
- Lãi dự thu ngân hàng	55.156.165	-
- Phải thu khác	3.220.067	4.302.808
Cộng	58.376.232	4.302.808
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.941.666	-
- Chi phí mua bảo hiểm	98.635.336	105.481.600
- Nhiên liệu xuất dùng	27.672.921	11.048.701
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	116.353.727	-
Cộng	247.603.650	116.530.301
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm	12.261.135	56.083.757
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.780.562	275.278.128
Cộng	182.041.697	331.361.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

a. Các khoản phải thu

Tiền thuế đất

Cộng

b. Các khoản phải nộp

Thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

	31/12/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
	232.666.852	11.167.002	-	243.833.854
	232.666.852	11.167.002	-	243.833.854
	58.604.423	633.949.879	590.117.980	14.772.524
	74.589.641	178.974.669	181.959.597	77.574.569
	149.915.773	376.704.359	489.313.364	262.524.778
	-	3.000.000	3.000.000	-
	283.109.837	1.192.628.907	1.264.390.941	354.871.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2018

Tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2018

Khấu hao trong năm

Tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2018

Tại ngày 31/12/2018

Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
9.952.933.550	450.931.000	11.083.055.728	296.412.315	21.783.332.593
9.952.933.550	450.931.000	11.083.055.728	296.412.315	21.783.332.593
1.014.251.831 284.925.468	233.631.000 31.800.000	2.998.110.970 815.795.825	172.240.529 33.301.548	4.418.234.330 1.165.822.841
1.299.177.299	265.431.000	3.813.906.795	205.542.077	5.584.057.171
8.938.681.719	217.300.000	8.084.944.758	124.171.786	17.365.098.263
8.653.756.251	185.500.000	7.269.148.933	90.870.238	16.199.275.422

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 959.150.455 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 231.305.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	20.860.244.081	60.553.969	-	20.920.798.050
Lợi nhuận trong năm	-	-	705.003.652	705.003.652
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	13.184.985	(13.184.985)	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	20.860.244.081	73.738.954	(8.181.333)	20.925.801.702
Lợi nhuận trong năm	-	-	756.645.334	756.645.334
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(731.818.667)	(731.818.667)
Trích quỹ trong năm	-	16.645.334	(16.645.334)	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	20.860.244.081	90.384.288	-	20.950.628.369

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	20.860.244.081	20.860.244.081
	20.860.244.081	20.860.244.081

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4200767748 thay đổi lần thứ 03 ngày 04 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ là 22.286.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 20.860.244.081 đồng. Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.662.396.391	14.823.519.227
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	11.503.532.750	12.443.603.555
- Doanh thu dịch vụ cho thuê phương tiện và hoa tiêu	3.148.863.641	2.379.915.672
- Doanh thu dịch vụ hàng hải khác	10.000.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.662.396.391	14.823.519.227

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ cho thuê phương tiện	9.793.123.840	9.211.192.788
Cộng	9.793.123.840	9.211.192.788

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	242.353.005	209.324.591
Cộng	242.353.005	209.324.591

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.780.329.462	3.205.467.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.893.836	185.072.769
Chi phí khấu hao TSCĐ	318.227.016	327.722.080
Thuế, phí và lệ phí	14.167.002	15.086.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.960.846	88.412.727
Chi phí bằng tiền khác	706.027.877	1.101.484.350
Cộng	4.178.606.039	4.923.245.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Khen thưởng từ Khổi thi đua doanh nghiệp V	2.600.000	-
Các khoản thu nhập khác	484	182.621
Cộng	2.600.484	182.621

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	935.620.001	898.586.911
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(40.746.667)	28.422.721
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>27.432.727</i>	<i>28.422.721</i>
<i>Trừ: Chi phí được trừ bổ sung</i>	<i>68.179.394</i>	-
Tổng thu nhập chịu thuế	894.873.334	927.009.632
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	178.974.667	185.401.926
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 05/10/2018	-	8.181.333
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	178.974.667	193.583.259

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.587.010.862	1.330.385.566
Chi phí nhân công	7.717.622.244	8.193.034.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.165.822.841	1.276.407.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.302.022.648	407.958.689
Chi phí khác bằng tiền	1.199.251.284	2.926.651.982
Cộng	13.971.729.879	14.134.438.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2018:

	Mối quan hệ	Tổng Thu nhập
Vũ Hoài Nam	Chủ tịch	333.122.316
Nguyễn Hoài Anh	Giám đốc	401.242.962
Nguyễn Thành Thái	Phó Giám đốc	346.826.786
Cộng		1.081.192.064

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Một số chỉ tiêu được phân loại lại cho phù hợp và tiện việc so sánh, cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

NGUỒN VỐN	Số liệu trình bày tại 31/12/2017 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2018 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	4.305.922.964	8.181.333	300	4.314.104.297
1. Nợ ngắn hạn	310	4.305.922.964	8.181.333	310	4.314.104.297
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	346.690.538	8.181.333	313	354.871.871
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20.933.983.035	(8.181.333)	400	20.925.801.702
1. Vốn chủ sở hữu	410	20.933.983.035	(8.181.333)	410	20.925.801.702
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	(8.181.333)	421	(8.181.333)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(8.181.333)	421a	(8.181.333)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	25.239.905.999	-	270	25.239.905.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiêu	Số liệu trình bày tại 31/12/2017 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2018 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	185.401.926	8.181.333	51	193.583.259
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	713.184.985	(8.181.333)	60	705.003.652



Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo
Người lập